05/02/2024

Chiến lược đầu tư tháng 02/2024

DẬP DÌU SÓNG THÁNG GIÊNG

VN Index đã có một khởi đầu đầy tích cực cho năm 2024 với mức tăng 3% trong tháng Một khi mà dòng tiền bắt đầu có sự tập trung ở ngành Ngân hàng, hỗ trợ đáng kể bởi sự quay trở lại của nhóm NĐT nước ngoài cùng với sự tăng trưởng 22% của LN Q4-2023.

Kết quả Q4-2023 của ngành Ngân hàng là động lực dẫn dắt chính cho mức tăng trưởng 29% của LNST các doanh nghiệp niêm yết trên HSX, bên cạnh sự phục hồi lợi nhuận của các ngành như NVL cơ bản, DV tiêu dùng. Sau khi phản ánh diễn biến của LN Q4-2023, định giá P/E trượt của VN Index điều chỉnh về mức 13.6x, thấp hơn 10% so với mức 15x của đỉnh hồi tháng 9/2023.

Một điểm dữ liệu quan trọng khác về đặc tính của TTCK là dư nợ cho vay ký quỹ và mức tiền gửi NĐT tại các CTCK cũng đã được hé lộ. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá quy mô dư nợ cho vay ký quỹ tại cuối năm 2023 vẫn tương đối lành mạnh xét trên tỷ lệ cho vay margin / vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng nhẹ so với quý trước (sau khi loại trừ một số trường hợp đột biến ở nhóm CTCK như TCBS, VPBS, MBS, VCI). Điều quan trọng là xu hướng gia tăng đầu tư tại kênh TTCK tiếp tục được củng cố khi lượng tiền gửi của NĐT tại CTCK tăng thêm 5 nghìn tỷ so với quý trước (+6% QoQ), trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm vẫn đang duy trì ở vùng đáy, và niềm tin đầu tư tại các kênh đầu tư lớn khác chưa thể sớm phục hồi.

Thị trường sẽ tạm bước vào giai đoạn trống thông tin sau mùa báo cáo KQKD Q4-2023. Cùng với hiệu ứng của kỳ nghỉ Tết nguyên đán, chúng tôi không kỳ vọng thị trường có biến động mạnh trong tháng Hai. Tuy nhiên, luồng thông tin về mùa ĐHCĐ với các kế hoạch kinh doanh mới cho năm 2024 nhiều khả năng sẽ giúp thị trường sôi động hơn trong nửa cuối tháng Hai. Ở chiều ngược lại, rủi ro giảm sâu của thị trường là hạn chế, nhờ (1) định giá các ngành vốn hóa lớn là tương đối rẻ, (2) xu hướng bán ròng của khối ngoại có thể tạm thời chấm dứt, (3) lượng tiền gửi NĐT đang chờ để tham gia lại thị trường.

Cho tháng Hai, vùng dao động kỳ vọng của VN Index trong tháng Hai là 1.160-1.200.

Sau kết quả kinh doanh quý 4/2023, với mức tăng trưởng lợi nhuận 12 tháng liên tiếp đạt 7% so với cuối quý 3/2023, dấu hiệu cho thấy hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đã bắt đầu hồi phục từ giữa năm 2023. Kỳ vọng vào hiệu quả từ việc nới lỏng chính sách tiền tệ và tăng cường giải ngân đầu tư công trong năm 2023 sẽ được minh chứng rõ ràng hơn trong năm 2024. Với PE toàn thị trường ước tính ở mức 13,6, thấp hơn so với mức tiệm cận 14 cuối năm, thị trường dự kiến ít chịu áp lực từ nhà đầu tư nước ngoài, mở ra cơ hội cho nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu đầu ngành với tiềm năng phục hồi cao. Trong ngắn hạn,nhà đầu tư có thể linh hoạt mua – bán ở những cổ phiếu mà chúng tôi ưa thích cho tháng Hai gồm ***VNM, QNS, và LHG.***

Suất sinh lời hằng tháng của VN Index (2011-2014) – Sắc xanh hiện diện phần lớn trong các tháng có Tết Nguyên Đán

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
2024	3.04											
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02
2014	10.28	5.38	.87	-2.29	-2.76	2.87	3.10	6.81	-5.95	.34	-5.70	-3.70
2013	15.97	-1.09	3.47	-3.37	9.25	-7.19	2.23	-3.89	4.22	.97	2.08	-.62
2012	10.36	9.19	4.10	7.42	-9.41	-1.59	-1.87	-4.45	-.87	-1.06	-2.73	9.50
2011	5.35	-9.64	-.05	4.11	-12.23	2.65	-6.21	4.69	.68	-1.59	-9.53	-7.65

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG MỘT: NHÓM NGÂN HÀNG DẬY SÓNG **3**

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG HAI **10**

- Dập dìu sóng tháng Giêng 10

CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG HAI **14**

- Cơ hội ngắn hạn 14

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM **17**

55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các "Báo cáo phân tích công ty" hoặc "Nhật ký chuyên viên" phát hành từ trước đến nay.

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG MỘT: NHÓM NGÂN HÀNG DẬY SÓNG

Các thị trường chứng khoán thế giới trải qua tháng đầu tiên của năm 2024 với nhiều biến động. Trong đó, xu hướng chính, trừ thị trường Trung Quốc, vẫn là sắc xanh lan tỏa.

- Thị trường Mỹ có diễn biến suy giảm trong giai đoạn đầu với sự dẫn đầu của lĩnh vực công nghệ và thay vào đó là sự nổi lên của nhóm tiện ích và năng lượng do biến động tại biển Đỏ. Thị trường phục hồi sau đó khi nỗi lo lạm phát giảm bớt, dữ liệu lao động thúc đẩy sự lạc quan, và Fed một lần nữa xác nhận đỉnh lãi suất trong cuộc họp FOMC.
- Chứng khoán châu Âu biến động với nỗi lo lạm phát dai dẳng và sự lưỡng lự trong việc cắt giảm lãi suất của ECB, nhưng vẫn khép lại tháng với những dấu hiệu ổn định của các chỉ báo kinh tế.
- Tại Nhật Bản, chỉ số Nikkei phục hồi sau tác động của động đất, lên mức cao nhất trong 34 năm trong bối cảnh đồng Yên yếu và lập trường "Bồ Câu" của BoJ, bất chấp những đồn đoán về những thay đổi chính sách.
- Thị trường Trung Quốc tiếp tục giảm mạnh do lo ngại của nhóm bất động sản và sự giảm phát của nền kinh tế, đà mất điểm được giảm tốc với các biện pháp thanh khoản và nới lỏng chính sách của PBOC cho thấy sự chủ động hỗ trợ cho tăng trưởng.

Trong nước, thị trường chứng khoán tiếp tục có tháng thứ 3 liên tiếp tăng điểm. Đà tăng được dẫn dắt bởi nhóm ngân hàng khi kết quả kinh doanh quý 4/2023 của nhóm ngân hàng cho thấy xu hướng khả quan cả về tăng trưởng lợi nhuận và chất lượng đã củng cố thêm cho đà tăng của nhóm này và thị trường chung. Bên cạnh đó, việc Quốc Hội đã chính thức thông qua luật đất đai sửa đổi và luật các tổ chức tín dụng sửa đổi trong kỳ họp Quốc Hội bất thường vào ngày 18/1 là điểm nhấn đáng chú ý khi các điểm nghẽn và cơ chế vận hành còn nhiều lỗ hổng được nhận định sẽ được khắc phục bằng những quy định mới rõ ràng, tạo tiền đề cho việc phát triển bền vững của lĩnh vực bất động sản, hệ thống ngân hàng và nền kinh tế nói chung.

Hình 1: VN Index, tháng 1/2024

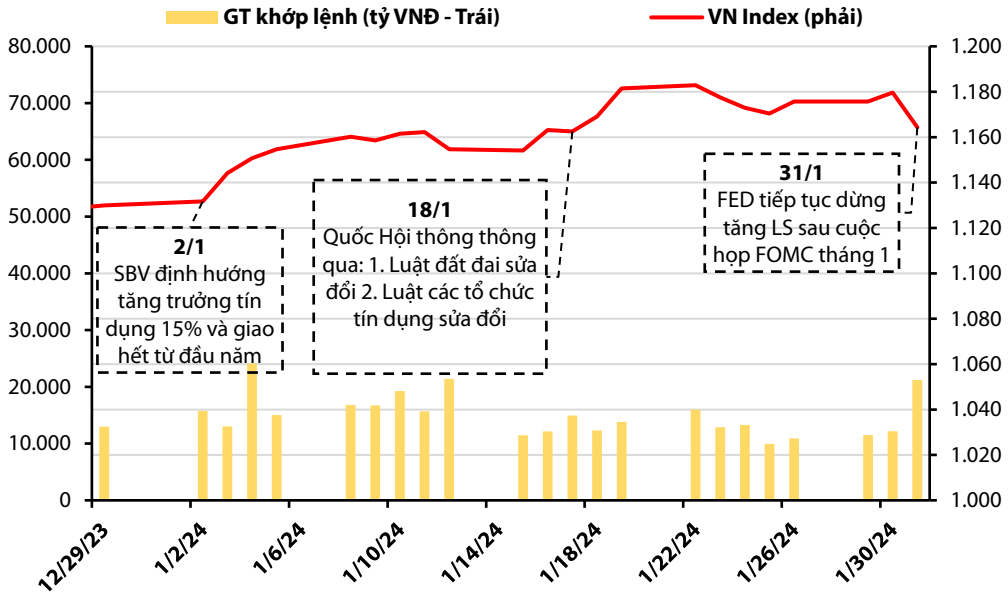

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Như vậy, VNIndex kết thúc tháng ở mức 1.128, tăng 3,04% MoM. Trong đó, nhóm VN30 (+3,08%) nhờ mức tăng tốt của nhiều cổ phiếu ngân hàng. Trong khi đó, VNDSMALL (1,39%) và VNMID (0,62%) chứng kiến mức tăng nhẹ.

Hình 2: Phân phối P/E của Chỉ số Việt Nam (2018-2023) – P/E của VN Index có sự điều chỉnh giảm khi LNST 12 tháng tăng 7% so với quý trước đó.

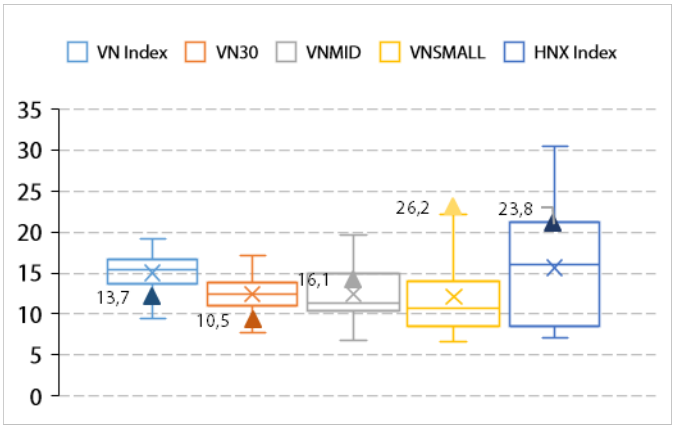

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt
X: P/E trung bình 5 năm
▲: P/E hiện tại (Giá tại ngày 31/01/2024)

Hình 3: Diễn biến của chỉ số Việt Nam kể từ đầu năm

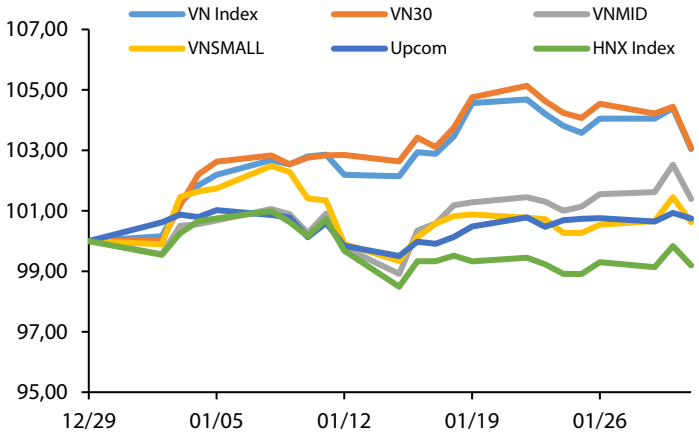

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 4: Diễn biến lợi nhuận các chỉ số toàn cầu Tháng 1/2023 – VN Index thuộc top dẫn đầu

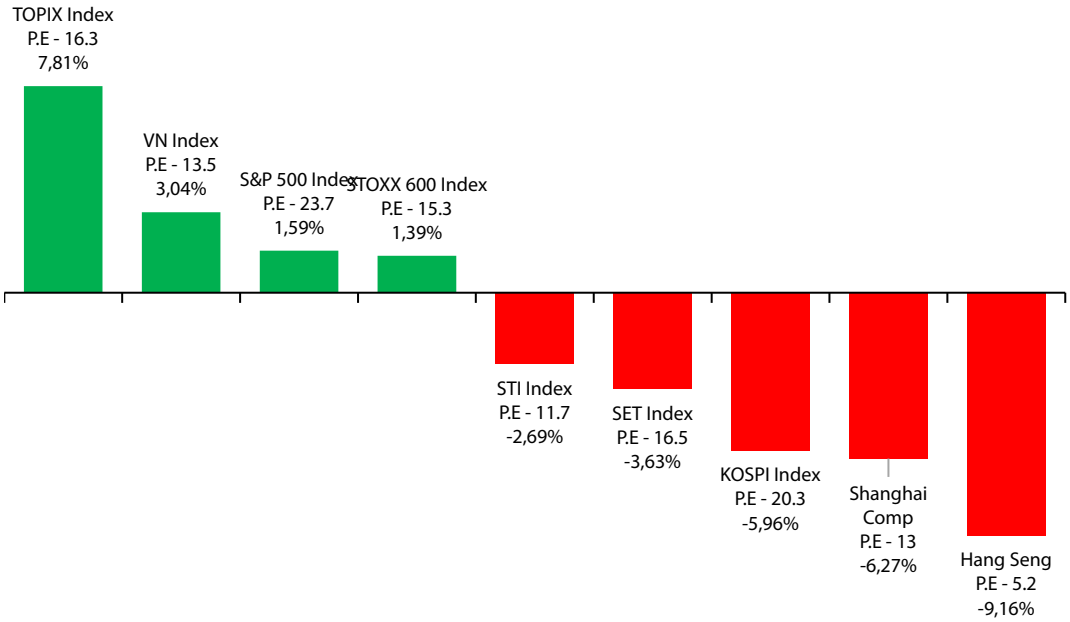

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Bảng 1: Thanh khoản hàng ngày trong 12 tháng qua (tỷ đồng) – Thanh khoản hàng ngày trong Tháng 1 cải thiện với mức tăng 11% MoM, dòng tiền chủ yếu tập trung vào nhóm VN30

	VN Index	VN30	VNMID	VNSMALL	Upcom	HNX Index
Thg1-24	15.021	6.250	6.822	1.497	490	1.286
Thg12-23	13.563	4.776	6.972	1.314	435	1.564
Thg11-23	14.904	5.085	7.769	1.404	503	1.935
Thg10-23	13.052	4.739	6.590	1.375	596	1.747
Thg9-23	21.270	7.828	10.086	2.270	969	2.114
Thg8-23	20.388	7.783	9.280	2.184	921	2.077
Thg7-23	16.620	6.157	7.947	2.041	809	1.625
Thg6-23	15.105	5.378	7.233	1.975	744	1.740
Thg5-23	10.626	3.438	5.194	1.623	562	1.490
Thg4-23	9.761	3.502	4.573	1.459	427	1.252
Thg3-23	7.898	3.480	3.309	933	273	828
Thg2-23	8.519	3.570	3.519	1.175	391	1.038

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 5: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX - Đà tăng trên diện rộng dã dịu bớt khi chỉ có 51% số cổ phiếu tăng điểm, thấp hơn tháng trước (67%).

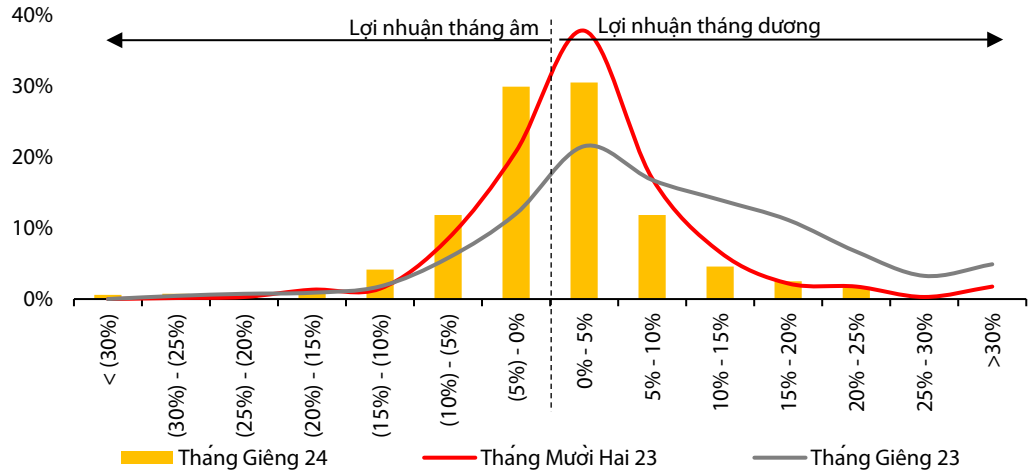

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Trong số các nhóm ngành dựa trên chuẩn GICS, 3/10 nhóm ngành có mức tăng điểm trong tháng. Trong đó, nhóm tài chính (+6,47%) gồm các cổ phiếu ngân hàng dẫn đầu cho đà tăng như VCB (+10,21%), CTG (+16,16%), và BID (+9,91%). Ngược lại, bộ ba họ nhà Vingroup gồm VRE (-3,65%), VHM (-3,94%), VIC (-4,71%) khiến nhóm bất động sản (-3,25%) giảm điểm và có hiệu suất sinh lời thấp nhất trong các nhóm ngành.

Hình 6: Suất sinh lời các nhóm ngành trong Tháng 1/2023 – Nhóm tài chính dẫn dắt đà tăng

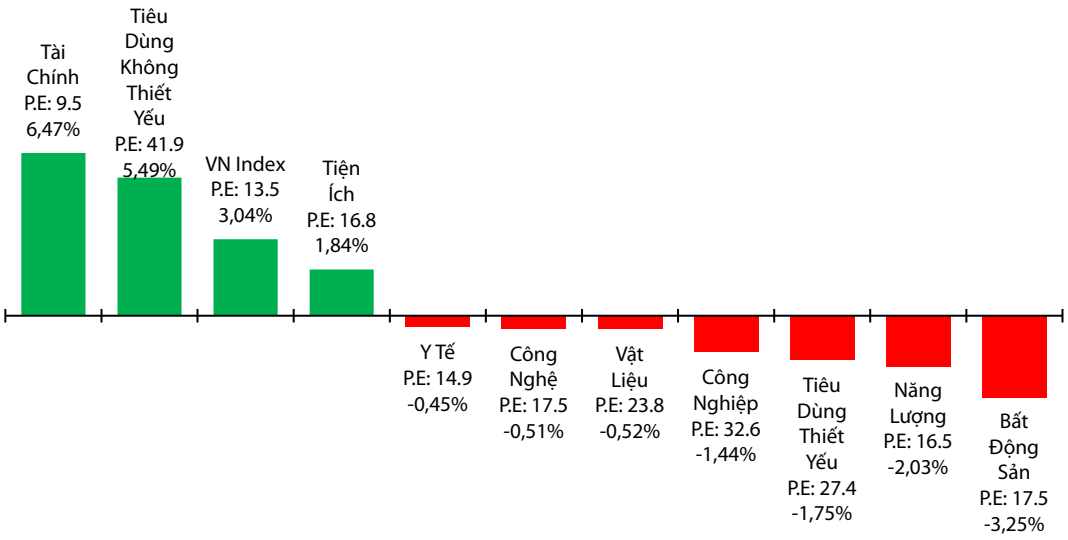

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 7: Diễn biến các nhóm ngành trong từ đầu năm

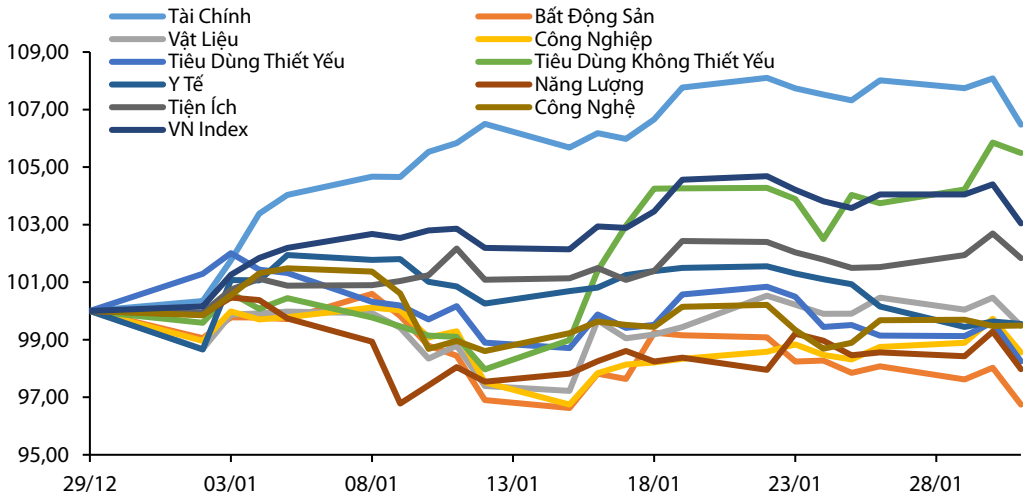

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Hình 8: Diễn biến vị thế ròng giữa các nhóm NĐT trong Tháng 1/2023 (Tỷ đồng) – Các nhóm nhà đầu tư có sự hoán đổi vị thế

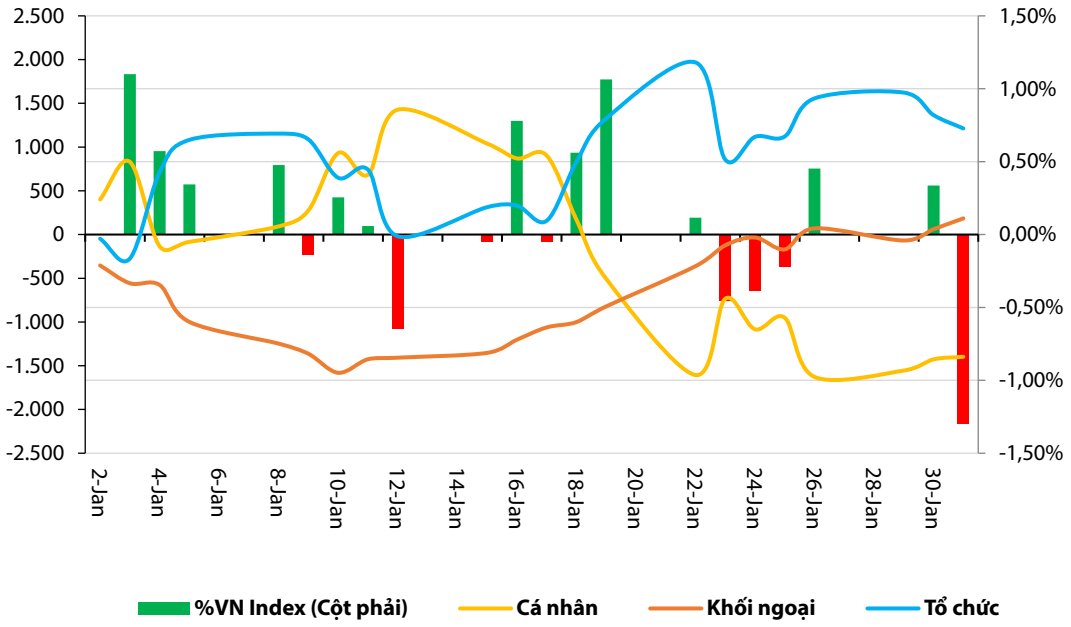

Nguồn: FiinPro, CTCK Rồng Việt

Các nhà đầu tư cá nhân đổi vị thế sang bán ròng 1.398 tỷ đồng sau 5 tháng mua ròng liên tiếp. Bên cạnh đó, thanh khoản hàng tháng của nhóm nhà đầu tư này vẫn tăng mạnh 12% so với tháng trước, trong khi sự tham gia của của nhóm nhà đầu tư tổ chức và khối ngoại giảm lần lượt 3% và 15% so với tháng trước đó. Ngoài ra, hình 10 cung cấp bản tóm tắt danh sách các cổ phiếu được các nhà đầu tư cá nhân trong nước giao dịch đáng chú ý.

Hình 9 : Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân trong nước trên sàn HSX

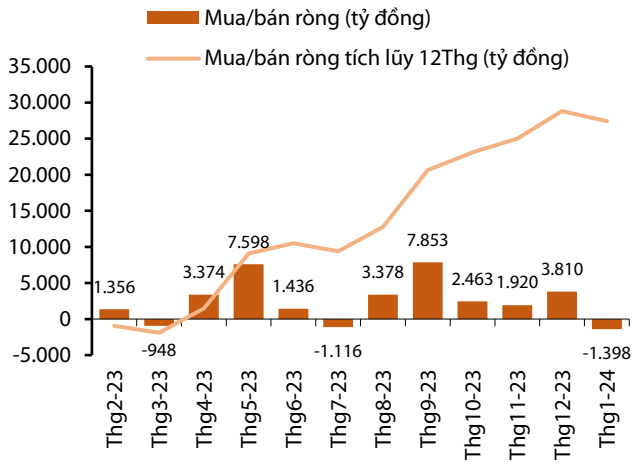

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 10: Các cổ phiếu được mua/bán mạnh nhất bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước tại sàn HSX trong Tháng 1/2023 (tỷ đồng)

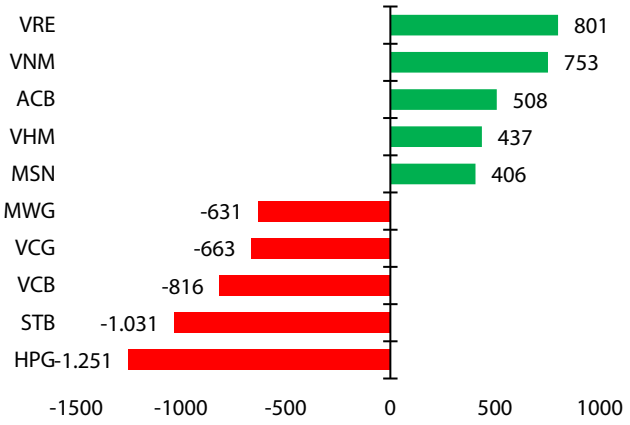

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Khối ngoại đã chấm dứt đà bán ròng chín tháng liên tiếp với mức mua ròng khiêm tốn 185 tỷ đồng. Đây cũng là điểm tích cực so với con số bán ròng 9.962 tỷ đồng trong tháng trước đó. Ngành Ngân Hàng và Tài Nguyên Cơ Bản là những ngành được khối ngoại mua ròng mạnh trong tháng (Bảng 2).

Hình 11: Hoạt động giao dịch của khối ngoại trên sàn HSX

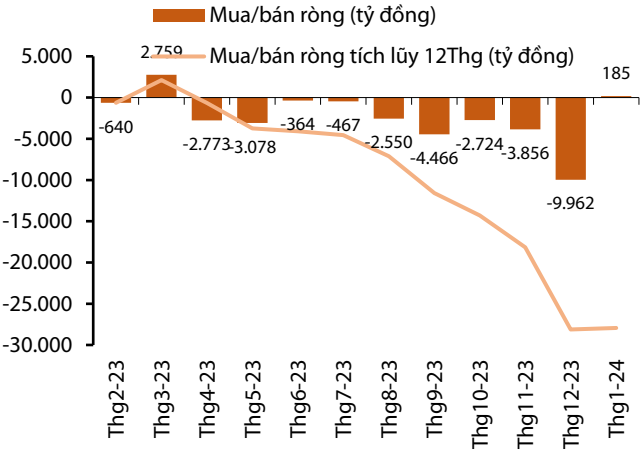

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 12: Các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 1/2023 (tỷ đồng)

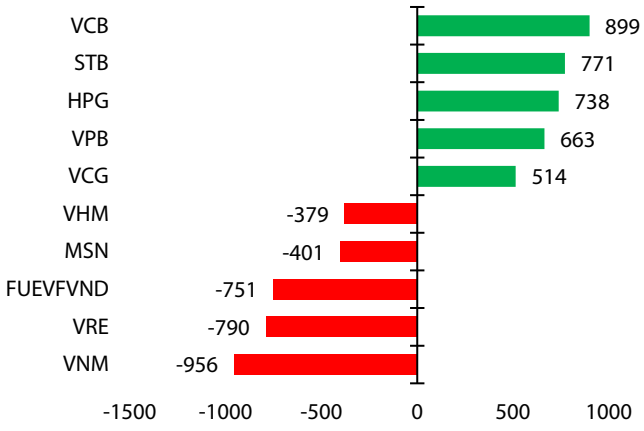

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 2: Giá trị khối ngoại mua ròng/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE

Ngành	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Ngân hàng	3.070	95.471
Tài nguyên Cơ bản	1.098	39.440
Xây dựng và Vật liệu	541	23.134
Bán lẻ	119	6.045
Công nghệ Thông tin	30	852
Bảo hiểm	25	786
Viễn thông	0	0
Truyền thông	0	-14
Hàng cá nhân & Gia dụng	-10	107
Dầu khí	-11	-1.105
Y tế	-17	-240
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-25	-2.322
Ô tô và phụ tùng	-35	-165
Du lịch và Giải trí	-82	-1.447

Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-287	-7.283
Dịch vụ tài chính	-433	-20.237
Hóa chất	-499	-1.087
Bất động sản	-1.569	-46.689
Thực phẩm và đồ uống	-1.688	-16.607

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 3: Dòng vốn ngoại vào thị trường vốn niêm yết ở châu Á

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)		
	1Thg	3Thg	TĐN
Nhật Bản	17.148	17.148	17.148
Hàn Quốc	2.254	2.254	2.254
Đài Loan	1.416	1.416	1.416
Indonesia	534	534	534
Maylaysia	145	145	145
Philippines	80	80	80
Việt Nam	**53**	**53**	**53**
Sri Lanka	-7	-7	-7
Thái Lan	-870	-870	-870
Ấn độ	-3.350	-3.350	-3.350

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TĐN: Từ đầu năm

Hình 13: Diễn biến dòng vốn nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong 12 tháng qua – Chấm dứt đà rút ròng

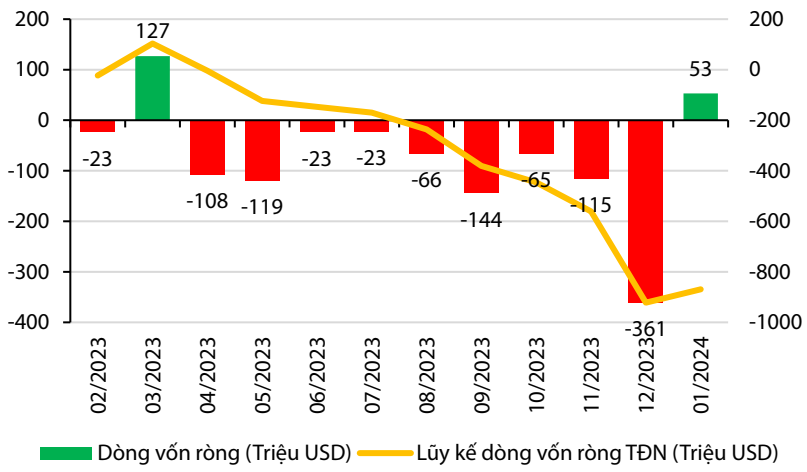

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Bảng 4: Dòng vốn từ các quỹ ETF – Xu hướng trái ngược với dòng vốn ngoại

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Lưu chuyển dòng vốn (Triệu USD)		
		1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3.541**	**-101,4**	**-9,3**	**195,8**
ETFs ngoại	**2.349**	**-90,8**	**42,8**	**206,3**
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	355	3,8	6,0	3,8
Fubon FTSE Vietnam ETF	832	1,9	31,6	1,9
Asian Growth CUBS ETF	10	0,0	0,0	0,0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0,0	0,0	0,0
Premia MSCI Vietnam ETF	14	-0,6	-0,9	-0,6
VanEck Vectors Vietnam ETF	516	-1,9	-12,7	-1,9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	185	-27,6	2,6	-27,6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	432	-66,3	-164,0	-66,3
ETFs nội	**1.192**	**-10,6**	**-52,1**	**-10,6**
DCVFM VNMIDCAP ETF	10	1,4	2,6	1,4
DCVFMVN30 ETF Fund	324	1,0	15,2	1,0
SSIAM VNX50 ETF	7	0,1	0,1	0,1
DCVFMVN Diamond ETF	702	0,0	0,0	0,0
SSIAM VN30 ETF	6	0,0	0,1	0,0
VinaCapital VN100 ETF	4	0,0	0,0	0,0
KIM GROWTH VN30 ETF	13	0,0	0,0	0,0
KIM GROWTH VNFINSELECT ETF	13	0,0	0,0	0,0
MAFN VN30 ETF	26	-0,4	-0,5	-0,4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	87	-12,6	-69,6	-12,6

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Nhóm nhà đầu tư tổ chức có tháng thứ tư mua ròng liên tiếp với giá trị lớn, 1.213 tỷ đồng. Hành động này đã làm giảm vị thế bán ròng tích lũy 12 trước tiệm cận về mức cân bằng xuống còn 1.793 tỷ đồng. Các cổ phiếu được các nhà đầu tư tổ chức trong nước mua bán ròng đáng kể nhất được tổng hợp lại trên Hình 14.

Hình 14: Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 1/2024 (tỷ đồng)

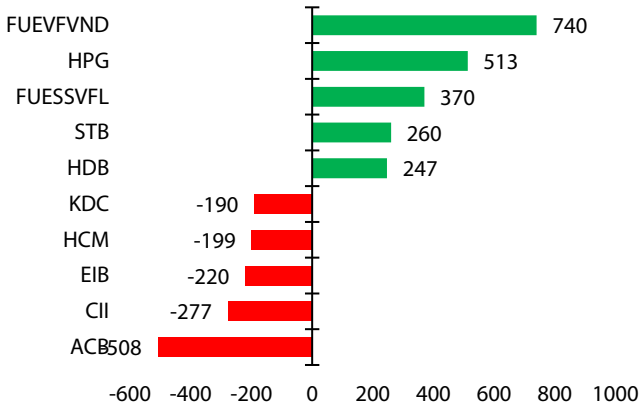

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 15: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên sàn HSX

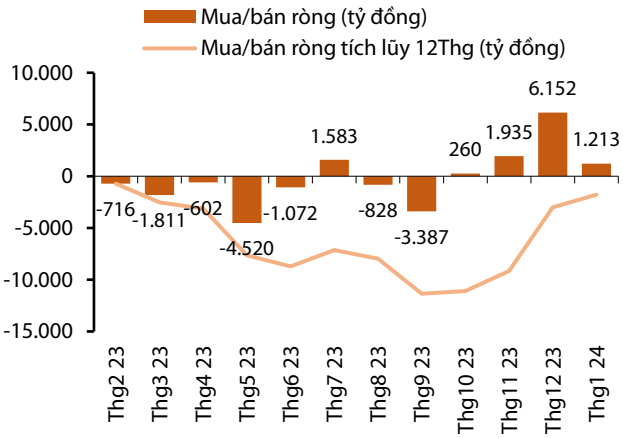

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG HAI

Dập dìu sóng tháng Giêng

VN Index đã có một khởi đầu đầy tích cực cho năm 2024 với mức tăng 3% trong tháng Một khi mà dòng tiền bắt đầu có sự tập trung ở ngành Ngân hàng, hỗ trợ đáng kể bởi sự quay trở lại của nhóm NĐT nước ngoài cùng với sự tăng trưởng 22% của LN Q4-2023.

Kết quả Q4-2023 của ngành Ngân hàng là động lực dẫn dắt chính cho mức tăng trưởng 29% của LNST các doanh nghiệp niêm yết trên HSX, bên cạnh sự phục hồi lợi nhuận của các ngành như NVL cơ bản, DV tiêu dùng. Sau khi phản ánh diễn biến của LN Q4-2023, định giá P/E trượt của VN Index điều chỉnh về mức 13.6x, thấp hơn 10% so với mức 15x của đỉnh hồi tháng 9/2023.

Một điểm dữ liệu quan trọng khác về đặc tính của TTCK là dư nợ cho vay ký quỹ và mức tiền gửi NĐT tại các CTCK cũng đã được hé lộ. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá quy mô dư nợ cho vay ký quỹ tại cuối năm 2023 vẫn tương đối lành mạnh xét trên tỷ lệ cho vay margin / vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng nhẹ so với quý trước (sau khi loại trừ một số trường hợp đột biến ở nhóm CTCK như TCBS, VPBS, MBS, VCI). Điều quan trọng là xu hướng gia tăng đầu tư tại kênh TTCK tiếp tục được củng cố khi lượng tiền gửi của NĐT tại CTCK tăng thêm 5 nghìn tỷ so với quý trước (+6% QoQ), trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm vẫn đang duy trì ở vùng đáy, và niềm tin đầu tư tại các kênh đầu tư lớn khác chưa thể sớm phục hồi.

Thị trường sẽ tạm bước vào giai đoạn trống thông tin sau mùa báo cáo KQKD Q4-2023. Cùng với hiệu ứng của kỳ nghỉ Tết nguyên đán, chúng tôi không kỳ vọng thị trường có biến đông mạnh trong tháng Hai. Tuy nhiên, luồng thông tin về mùa ĐHCĐ với các kế hoạch kinh doanh mới cho năm 2024 nhiều khả năng sẽ giúp thị trường sôi động hơn trong nửa cuối tháng Hai. Ở chiều ngược lại, rủi ro giảm sâu của thị trường là hạn chế, nhờ (1) định giá các ngành vốn hóa lớn là tương đối rẻ, (2) xu hướng bán ròng của khối ngoại có thể tạm thời chấm dứt, (3) lượng tiền gửi NĐT đang chờ để tham gia lại thị trường.

Cho tháng Hai, vùng dao động kỳ vọng của VN Index trong tháng Hai là 1.160-1.200.

KQKD Q4-2023 đưa định giá VN Index điều chỉnh giảm nhẹ về mức 13,6x

LNST Q4-2023 trên HOSE tăng trưởng 29% YoY với diễn biến các ngành cấp 1 như sau:

- Nhóm Tài chính - Ngân hàng +16% YoY. Trong đó, Ngân hàng +22% YoY, BĐS -30% YoY, DV Tài chính +373% YoY.
- Đối với nhóm phi tài chính, LNST +99% YoY, với sự dẫn dắt chủ yếu của ngành NVL cơ bản (cùng kỳ năm 2022 lỗ 1.100 tỷ và Q4-2023 lãi 4.300 tỷ đòng) và DV tiêu dùng (nhờ VJC thoát lỗ trong Q4-2023 so với mức lỗ 2,4 nghìn tỷ Q4-2022).
- Các ngành phi tài chính khác có sự tăng trưởng đáng chú ý là Hàng tiêu dùng +86%, Công nghiệp +48% YoY, CNTT +32% YoY.
- Diễn biến LN ở các ngành lớn là Ngân hàng, NVL cơ bản và CNTT tương đối phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

Lũy kế cả năm 2023, LNST các doanh nghiệp niêm yết trên HSX giảm 2% YoY.

Hình 16: Diễn biến LNST nhóm Tài chính – Ngân hàng

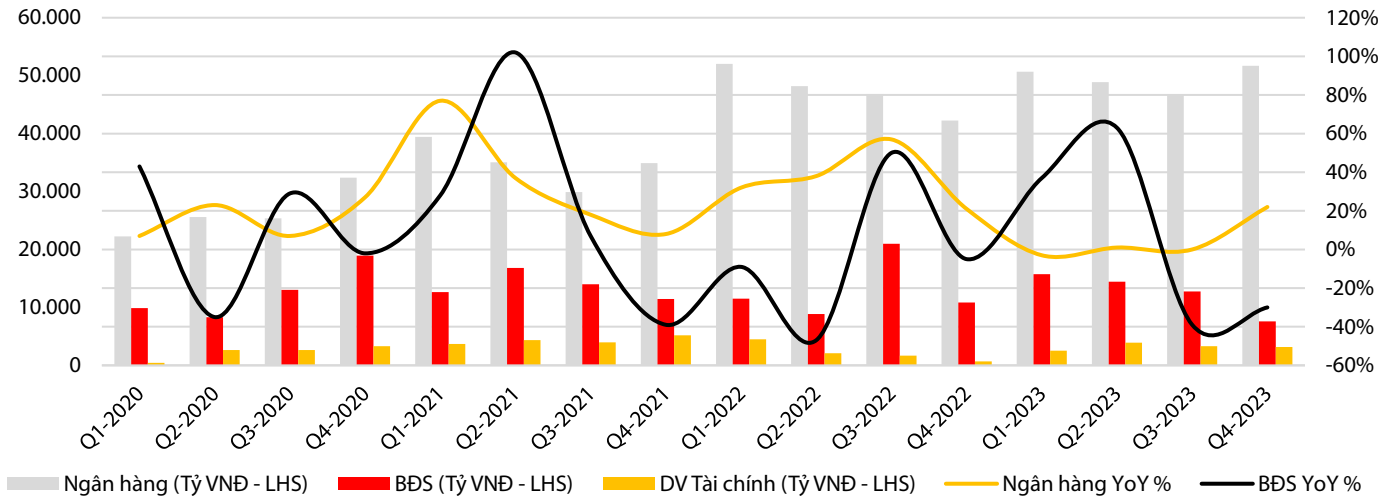

Nguồn: Fiinx, CTCK Rồng Việt

Hình 17: Diễn biến LNST nhóm phi Tài chính

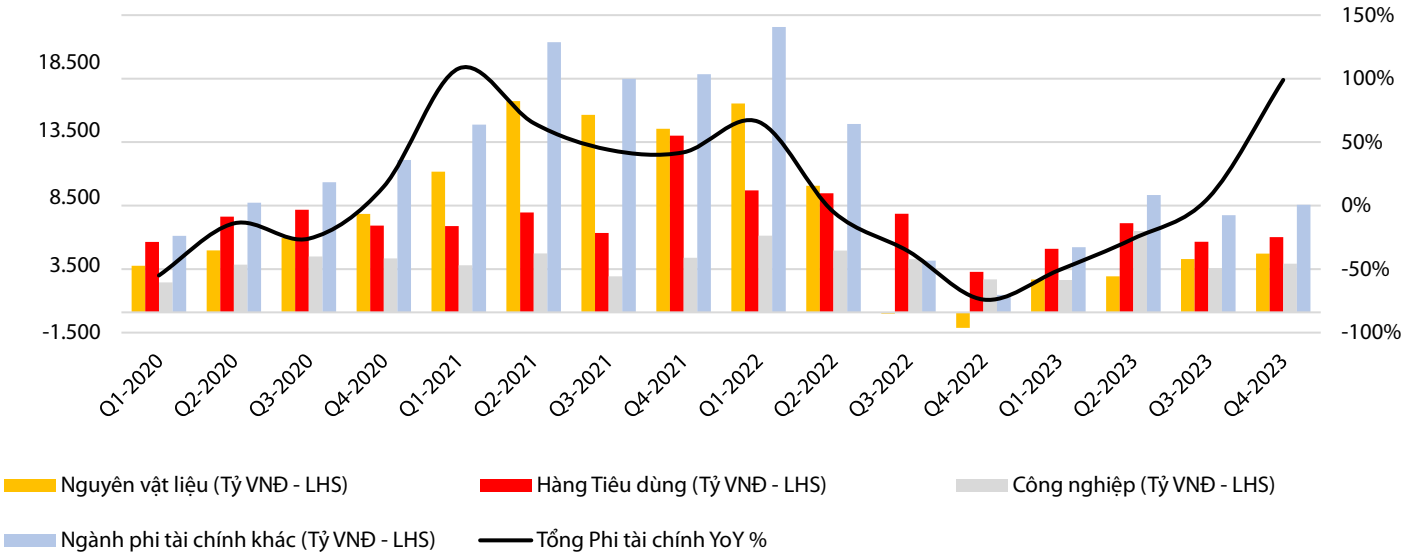

Nguồn: Fiinx, CTCK Rồng Việt

Diễn biến KQKD nói trên đưa chỉ số định giá toàn thị trường và một số ngành lớn về mức thấp hơn. Theo đó, P/E trượt điều chỉnh cho LN Q4-2023 của VN Index hiện là 13.6x, thấp hơn ~ 10% so với mức đỉnh 15x hồi tháng 9/2023. Ngành Ngân hàng tiếp tục được giao dịch ở mức P/B là 1,5x (so với mức thấp và TB 3 năm lần lượt là 1,3x và 1,9x), định giá P/B của ngành BĐS duy trì ở mức 1,4x (so với mức thấp 3 năm là 1,2x).

Hình 18: Diễn biến định giá của các chỉ số theo vốn hóa

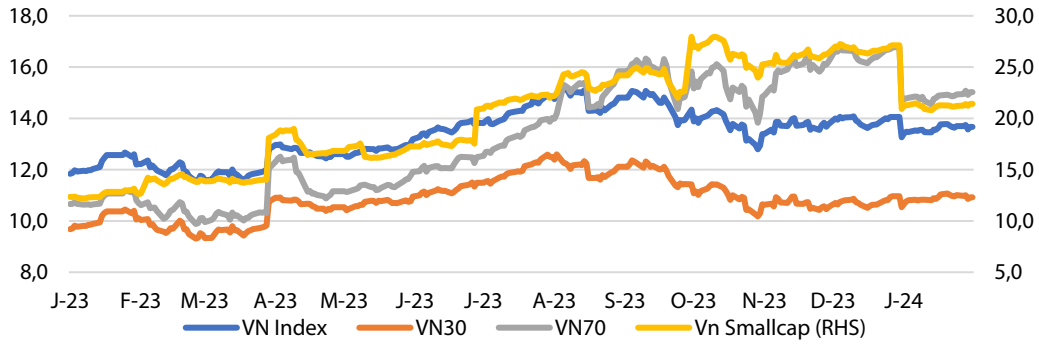

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Dư nợ cho vay ký quỹ tiếp tục tăng một cách lành mạnh

Mùa KQKD vừa qua cũng cho thêm dữ liệu về đặc tính của TTCK về dư nợ cho vay ký quỹ và mức tiền gửi NĐT tại các CTCK.

Theo đó, dư nợ margin toàn thị trường tại thời điểm cuối Q4-2023 ước đạt 169 nghìn tỷ đồng, tăng 13 nghìn tỷ đồng so với quý trước (+8% QoQ) và tăng 50% từ đầu năm 2023. Hoạt động cho vay margin có diễn biến tăng cục bộ ở các CTCK như TCBS, VPBS, MBS, VCI với tổng mức tăng là hơn 10 nghìn tỷ đồng. Loại trừ nhóm này, dư nợ margin của các CTCK còn lại tăng khoảng 2,3% QoQ. Tỷ lệ dư nợ margin/Tổng vốn CSH toàn thị trường khá lành mạnh, đạt khoảng 74% so với mức đỉnh của giai đoạn các năm Covid (~110%).

Mặt khác, xu hướng này được hỗ trợ bởi mức tăng 6% QoQ của số dư tiền gửi NĐT tại thời điểm cuối Q4-2023 ước đạt 82 nghìn tỷ đồng. Con số này cũng đã tăng 30% kể từ đầu năm 2023, vượt trội đáng kể so với tăng trưởng huy động của hệ thống Ngân hàng (+13,2%).

Hình 19: Diễn biến dư nợ margin, tỷ lệ dư nợ margin/Vốn CSH và tiền gửi NĐT

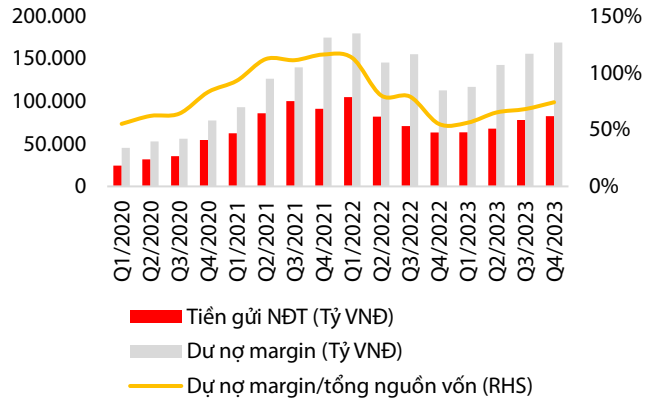

Nguồn: Fiinx, CTCK Rồng Việt

Hình 20: Diễn biến thanh khoản bình quân tháng (nghìn tỷ VNĐ)

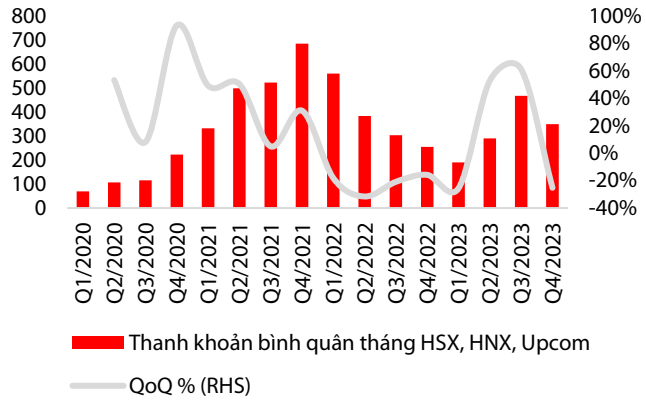

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Điều đáng nói là diễn biến tăng so với quý trước của lượng tiền gửi của NĐT cũng như dư nợ cho vay ký quỹ có phần trái ngược với diễn biến thanh khoản của ba sàn đã giảm trong Q4 (giảm 25% QoQ). Điều này nói lên rằng mặc dù các NĐT đã có tâm lý thận trọng hơn trong giai đoạn cuối năm 2023, đa phần trong số họ tiếp tục lựa chọn "ở lại thị trường" nhất là khi lãi suất tiết kiệm vẫn đang duy trì ở vùng đáy, và niềm tin đầu tư tại các kênh đầu tư lớn khác chưa thể sớm phục hồi.

Chúng tôi tin rằng dòng tiền lựa chọn tạm thời "đứng ngoài" thời gian sẽ quay trở lại sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán, và đặc biệt là khi có sự vận động tích cực hơn của dòng tiền lớn, vốn mang tính định hướng thị trường cao thông qua tác động lên nhóm cổ phiếu Bluechip, trong thời gian tới với các luồng tin tức của mùa ĐHCĐ năm 2024.

Mặt khác, đợt sụt giảm mạnh bất ngờ với những cơ hội đầu tư hấp dẫn hơn trên thị trường có thể cũng sẽ kích hoạt trở lại lượng tiền đang chờ đợi này.

Chuỗi ngày bán ròng của khối ngoại có thể sớm đảo ngược

Hoạt động bán ròng liên tục của nhóm NĐT này tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn là một trong những lực cản khiến thị trường có vận động kém tích cực trong suốt Q4 của năm 2023. Tuy nhiên, nhiều khả năng động thái này của nhóm NĐT nước ngoài sẽ thay đổi trong giai đoạn tới.

Theo đó, lực mua ròng từ các quỹ chủ động nước ngoài đã xuất hiện khi khối ngoại chỉ bán ròng 61 tỷ trên HSX trong tháng Một trong bối cảnh các quỹ ETF ngoại đã bị rút ròng khoảng 93 triệu USD, xấp xỉ khoảng 2,3 nghìn tỷ đồng. Diễn biến này diễn ra trong khi tiền đồng đã mất giá khá mạnh so với USD (1,4% YTD) trong 3 tuần đầu năm nhưng sau đó đã đã phục hồi trở lại và hiện tại chỉ mất giá khoảng 0,6% YTD. Hai yếu tố trên cho thấy áp lực từ tỷ giá là vẫn còn hiện hữu (chênh lệch lãi suất USD và VND là hơn 4%) nhưng tác động tới hành vi bán ròng của nhóm quỹ chủ động nước ngoài không còn lớn như trước.

Chúng tôi cho rằng có hai nguyên nhân chính cho diễn biến này: (1) Nhiều bên đang đặt cược vào khả năng Fed cắt giảm lãi suất sẽ xảy ra trong năm nay, mặc dù thời gian chính thức cắt giảm còn đang bỏ ngỏ, và (2) Kỳ vọng vào triển vọng phục hồi của nền kinh tế cho năm 2024.

Về diễn biến giao dịch các cổ phiếu của chỉ số VN30, NĐT nước ngoài đã quay đầu mua ròng mạnh các cổ phiếu Ngân hàng, Bán lẻ, Tài nguyên cơ bản sau khi liên tục bán ròng kể từ nửa cuối năm 2023, trong khi tăng quy mô bán ròng tại ngành Thực phẩm Đồ uống và BĐS.

Hình 21: GTGD ròng của NĐT nước ngoài theo ngành trên VN30

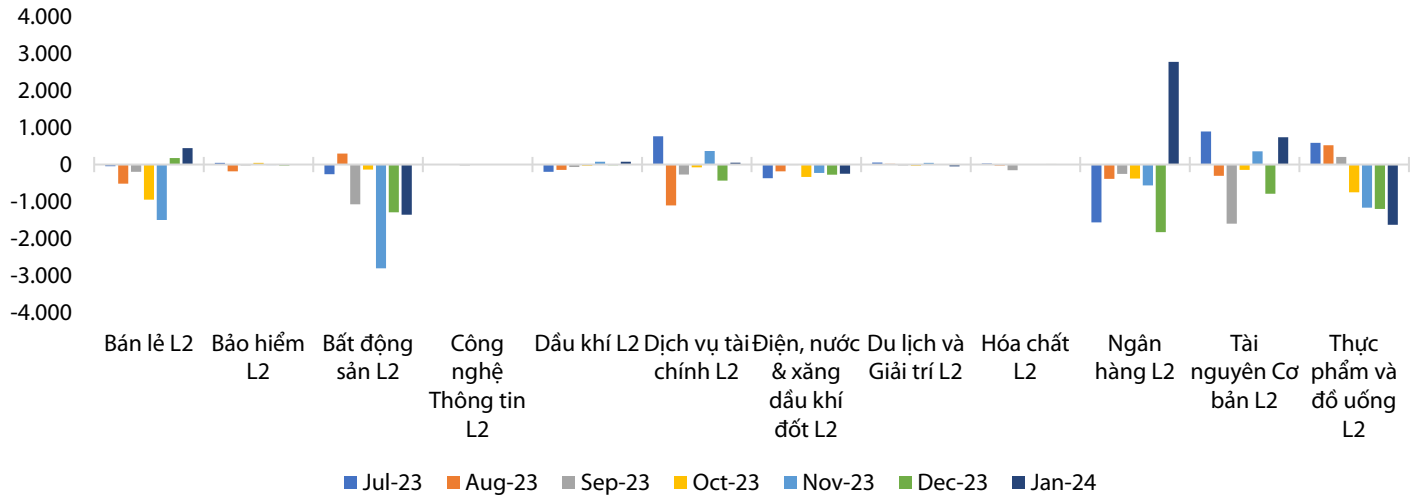

Nguồn: Fiinx, CTCK Rồng Việt

Hình 22: Diễn biến chỉ số theo vốn hóa từ đầu năm (%)

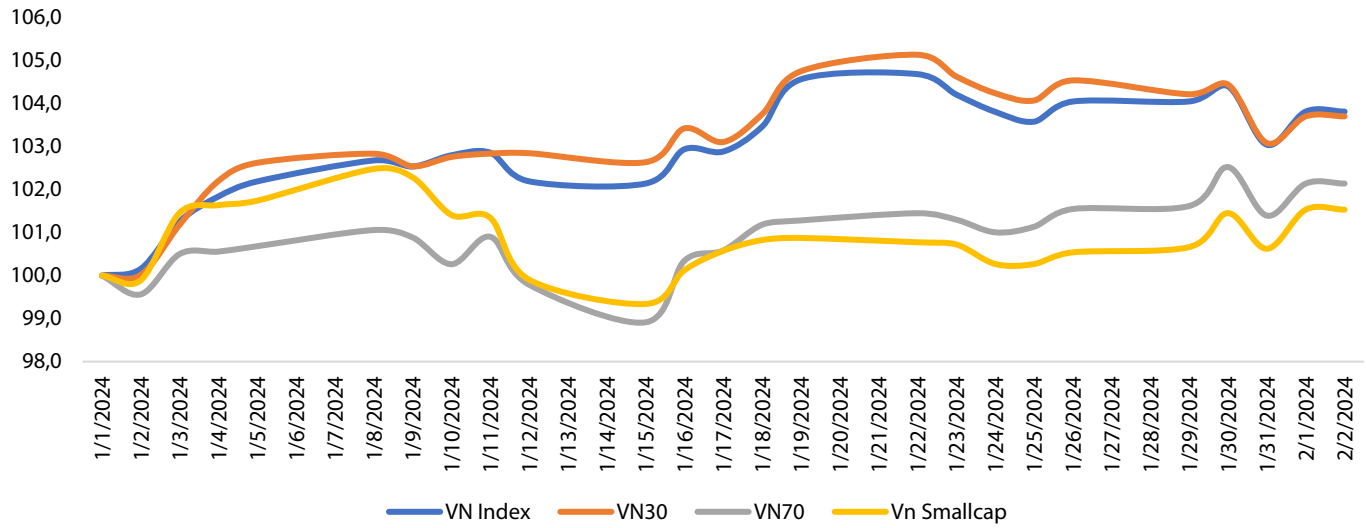

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Cơ hội ngắn hạn

Sau số liệu KQKD 4/2023, mức tăng trưởng lợi nhuận 12 tháng liền kề là 7% so với cuối 3/2023 đã củng cố thêm luận điểm rằng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã tạo đáy trong giai đoạn giữa năm 2023. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng hiệu quả của nỗ lực nới lỏng chính sách tiền tệ và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công trong năm 2023 của nhà điều hành sẽ thể hiện rõ nét hơn trong năm 2024.

PE toàn thị trường theo đó ước tính ở mức 13,6 lần, so với mức tiệm cận 14 lần vào cuối năm. Quan sát của chúng tôi cho thấy, ở vùng PE này, thị trường sẽ không có nhiều áp lực từ NĐT nước ngoài. Do vậy, chúng tôi vẫn cho rằng những nhịp điều chỉnh mạnh của thị trường là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu đầu ngành và có khả năng phục hồi nhanh theo sau sự phục hồi của nền kinh tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu ưa thích năm 2024 của Rồng Việt để có thêm lựa chọn.

Hình 23: Lũy kế LNST 12T liền kề (tỷ đồng) của VNIndex và mức thay đổi hàng quý: tốc độ phục hồi hàng quý đã dương trở lại từ quý 4/2023

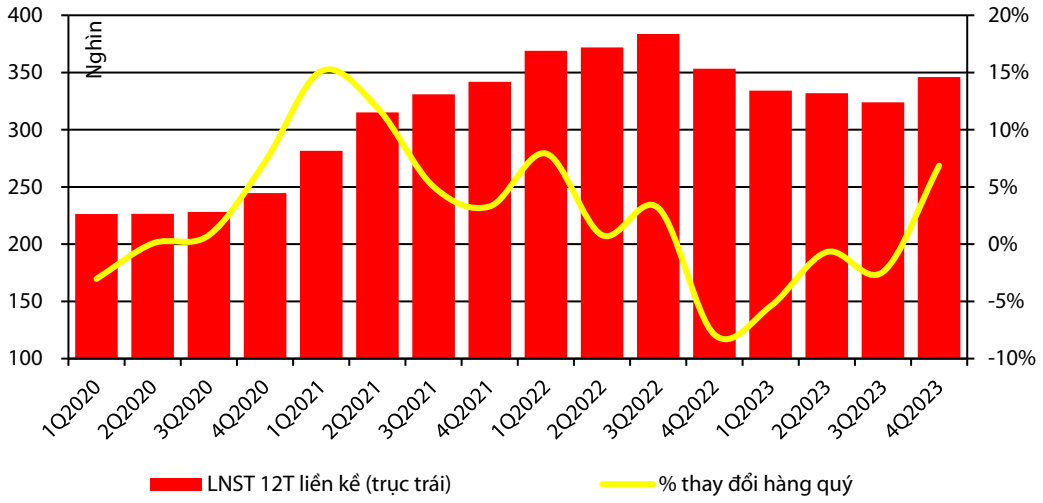

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Ngoài ra, cho quý 1/2024, chúng tôi cho rằng câu chuyện giá một số loại nông sản tiếp tục hạ nhiệt có thể là chủ đề có thể quan tâm. Chúng tôi kỳ vọng xu hướng giảm tiếp diễn của giá sữa bột hay đậu nành có thể giúp biên lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành hàng thực phẩm và đồ uống cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm 2023. Theo đó, VNM và QNS là hai ý tưởng đầu tư mà chúng tôi cho rằng NĐT có thể cân nhắc.

Hình 24: Giá đậu nành đã giảm về mức thấp của đầu năm 2022

Hình 25: Giá đường thế giới hạ nhiệt so với mức đỉnh thiết lập trong 2023 nhưng vẫn tăng hơn 8% so với cùng kỳ

Nguồn: Tradingeconomics, CTCK Rồng Việt

Mã	GMT (đồng)	PE hiện tại (x)	Vùng mua cân nhắc (k. đồng)	Nhận định
VNM	87.600	15,9	65.5-67	Quý 4/2023, VNM ghi nhận doanh thu và LNST-CTM lần lượt tăng trưởng 3,7% và 24,4% YoY, cho thấy sự cải thiện mạnh về biên lợi nhuận khi giá sữa bột nguyên liệu duy trì xu hướng giảm. Sang quý 1/2024, trong bối cảnh công ty đã chốt giá bột sữa cho sáu tháng đầu năm với chi phí trung bình ước tính thấp hơn cùng kỳ năm 2023 khoảng 16%, chúng tôi kỳ vọng biên gộp Q1 2024 sẽ cao hơn Q1 2023. Cùng với mức nền thấp của lợi nhuận ròng Q1 2023 (mức thấp nhất kể từ Q1 2018), chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận của VNM sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức hai chữ số ở mức cao trong Q1 2024.
QNS	54.000	7,7	44-46	Chúng tôi kỳ vọng QNS sẽ tiếp tục ghi nhận lợi nhuận ròng tăng trưởng hai chữ số trong Q1 2024 nhờ (1) tiếp tục hưởng lợi từ giá đường cao và (2) bắt đầu hưởng lợi từ xu hướng giảm của giá đậu nành đầu vào. Đầu tiên, trong bối cảnh giá đường nội địa duy trì ở mức cao hơn so với đầu năm 2023 trong Q4 2023 và tháng 1/2024, cùng với giá đường thế giới quay đầu tăng do nguồn cung giảm vì thời tiết không thuận lợi trong tháng 1/2024, chúng tôi kỳ vọng giá đường nội địa sẽ duy trì ở mức cao cho cả Q1 2024. Chúng tôi ước tính giá đường bán ra của QNS trong Q1 2024 sẽ cao hơn Q1 2023 tầm 16%, trong khi sản lượng được kỳ vọng tương đương. Thứ hai, theo QNS, công ty đã chốt xong hợp đồng đậu nành nguyên liệu ở mức giá thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 là 8%. Chúng tôi kỳ vọng QNS sẽ đưa các lô đậu nành nguyên liệu giá thấp này vào sản xuất trong Q1 2024, đưa tới cải thiện theo năm trong biên gộp mảng sữa Q1 2024.
LHG	50.000	10,2	31 - 32	Chúng tôi kỳ vọng KQKD sẽ duy trì đà phục hồi trong Q1/2024 nhờ (1) Bàn giao 1,5 ha đất cho Orifood VN với doanh thu ước tính khoảng 91 tỷ đồng và (2) Doanh thu cho thuê nhà xưởng xây sẵn (NXXS) duy trì xu hướng tăng nhẹ nhờ tiếp tục tăng diện tích NXXS và trung tâm thương mại tăng tỷ lệ lấp đầy. Theo đó, tổng doanh thu và LNST ước tính lần lượt là 160 tỷ đồng (+38%YoY) và 68 tỷ đồng (+34%YoY). Cho cả năm 2024, chúng tôi kỳ vọng doanh thu và LNST sẽ lần lượt tăng trưởng 37% và 35% YoY nhờ (1) Tăng quỹ đất sẵn sàng cho thuê kỳ vọng sẽ tăng thêm nhờ việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tiền sử dụng đất trong đợt giao đất lần 7 với 5,7 ha, tạo tiền đề cho việc triển khai giao đất đợt thứ 8 từ quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng thêm trong năm 2023 và (2) Diện tích NXXS dự kiến sẽ tăng thêm 17.000 m2 và đưa vào kinh doanh từ quý 3/2024 tại KCN LH3. Ngoài ra, Công ty có kế hoạch triển khai xây dựng thêm 10.000 m2 nhà xưởng tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng và nhà xưởng cao tầng giai đoạn 2 trong năm nay. Đây cũng là tiền đề cho sự tăng trưởng của mảng kinh doanh này trong năm 2025.

Nguồn: CTCK Rồng Việt

Bảng 5: Danh mục cổ phiếu ưa thích năm 2024

Mã	VHTT (tỷ đồng)	GTKL BQ 3T (tr. đ)	P/E hiện tại (x)	P/B hiện tại (x)	ROE trượt 4Q (%)	Thị giá ngày 2/2	GMT	Cổ tức tiền	Tháng Hai (k. đồng)	
									Vùng mua cân nhắc	Vùng bán cân nhắc
ACB	101.956	210.382	6,4	1,4	24,8%	26.250	29.000	0	24-25	27-28
BID	267.350	57.574	12,4	2,3	19,8%	46.900	43.600	0	42.5-44	48-50
CMG	7.981	7.401	24,6	3,1	12,8%	42.000	43.450	600	37.5-39	42-44
CTG	170.229	152.879	8,5	1,3	17,1%	31.700	31.600	0	30-31	32.5-33.5
FMC	2.949	1.897	10,7	1,5	15,3%	45.100	51.900	2.000	41-43	47-48
FPT	129.537	188.652	20,0	5,2	33,9%	102.000	109.300	2.000	90-95	105-110
GMD	21.046	67.215	9,4	2,5	32,3%	68.800	76.600	0	62-65	72-74
HPG	162.233	673.686	23,7	1,6	6,8%	27.900	29.100	0	26-27	29-30.5
HSG	14.106	274.184	17,5	1,3	7,6%	22.900	23.000	0	21-22	23.8-25
IDC	18.183	122.195	13,1	3,7	33,4%	55.100	56.000	4.000	50-52	58-60
KBC	23.757	222.547	11,9	1,3	13,0%	30.950	40.000	2.000	29-30.5	33-35
KDH	24.379	50.878	33,7	1,8	5,8%	30.500	36.200	0	29-30	32-34
MBB	113.406	256.552	5,5	1,2	24,5%	21.750	22.600	0	20.5-21	22.5-23.5
MSN	93.577	137.329	222,9	3,5	7,1%	65.400	95.700	0	60-63	70-73
MWG	69.318	369.954	413,7	3,0	0,7%	47.400	51.500	0	42-44	48.5-50.5
NKG	6.384	252.322	54,4	1,2	2,2%	24.250	22.000	0	21-23	25.5-27.5
NLG	15.199	97.152	31,4	1,6	8,7%	39.500	38.400	500	34 - 36	41-43
NTC	5.019	2.151	16,8	5,2	35,8%	209.115	256.000	6.000	193-200	213-220
OCB	29.795	40.778	7,1	1,0	15,3%	14.500	15.900	0	13.2-14	15.3-16
PC1	9.174	88.861	67,2	1,8	5,8%	29.500	27.200	0	25.7-27.5	31-32
POW	26.463	55.466	24,6	0,8	4,3%	11.300	14.800	0	10.8-11.1	11.8-12.2

PVD	15.453	115.467	26,7	1,1	3,8%	27.800	33.000	0	26-27	29-30
PVS	17.541	167.105	20,3	1,4	7,2%	36.700	40.100	700	35-37	39.5-41
QNS	16.841	28.268	7,7	2,0	27,3%	47.181	54.000	4.000	44-46	49-51
SIP	14.145	10.974	14,8	3,9	30,3%	77.800	84.000	2.000	70-72.5	80.5-84
VCB	504.695	108.165	15,3	3,0	21,7%	90.300	98.600	0	83 - 84	90-93
VIB	51.370	76.817	6,0	1,4	24,3%	20.250	24.600	600	19-19.5	21-22
VNM	140.863	165.558	15,9	4,4	29,3%	67.400	87.600	3.850	65.5-67	69.5-71

Nguồn: CTCK Rồng Việt

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @5/2/2024 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2023		2024F		PE 2023 (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDBQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
LHG	HOSE	70	50.000	33.950	53%	Mua	-37,2	-18,4	36,6	15,3	10,2	8,8	1,1	5,6	61,8	177,0	29,1
MSN	HOSE	3.819	95.700	64.900	47%	Mua	2,7	-88,3	3,8	438,6	222,9	41,0	3,5	0,0	-32,4	8.700,8	21,1
KBC	HOSE	970	40.000	31.050	35%	Mua	494,0	30,7	66,5	122,9	11,9	5,4	1,3	6,4	34,6	9.305,2	28,3
REE	HOSE	918	74.000	55.500	35%	Mua	-8,6	-18,7	17,9	19,7	10,3	9,0	1,3	1,8	-11,4	1.306,2	0,0
NTC	UPCOM	205	276.000	209.656	35%	Mua	-12,3	16,9	218,9	61,5	16,8	10,4	5,2	2,9	73,8	91,6	45,8
VNM	HOSE	5.750	87.600	68.000	34%	Mua	0,7	4,2	8,7	13,5	15,9	15,7	4,4	5,7	-8,5	7.093,8	46,7
POW	HOSE	1.080	14.800	11.250	32%	Mua	-1,0	-47,8	12,5	80,7	24,6	13,7	0,8	0,0	-5,8	2.400,0	45,0
HND	UPCOM	276	16.500	13.591	29%	Mua	8,9	-23,6	4,3	64,7	16,2	9,6	1,2	7,4	13,2	7,6	49,0
DBD	HOSE	164	65.800	53.900	22%	Mua	6,2	10,6	16,1	20,3	15,0	12,4	2,8	0,0	38,2	298,3	88,2
QNS	UPCOM	687	54.000	48.043	21%	Mua	21,4	70,2	9,5	-7,5	7,7	7,3	2,0	8,3	38,3	1.262,1	33,5
PPC	HOSE	179	15.600	13.700	20%	Tích lũy	10,2	-12,4	17,6	25,9	10,1	8,9	1,0	5,8	17,6	89,8	36,5
IMP	HOSE	176	74.000	62.200	19%	Tích lũy	21,3	34,0	11,8	22,6	14,4	14,0	2,1	0,0	14,1	55,9	25,4
VIB	UPCOM	2.097	24.600	21.200	19%	Tích lũy	22,7	1,1	6,3	33,7	6,0	6,0	1,4	2,8	13,3	3.409,4	0,0
GEG	HOSE	184	14.800	13.100	18%	Tích lũy	3,4	-56,5	22,3	61,0	39,0	18,0	1,2	4,7	-5,1	363,7	4,1
FMC	HOSE	120	51.900	45.900	17%	Tích lũy	-10,8	-10,7	8,4	17,8	10,7	9,3	1,5	4,4	28,6	77,4	19,5
KDH	HOSE	995	36.200	30.850	17%	Tích lũy	-28,1	-35,0	124,7	40,6	33,7	26,4	1,8	0,0	26,1	2.390,2	11,7
PVD	HOSE	631	33.000	28.250	17%	Tích lũy	7,0	-662,8	14,6	11,5	26,7	24,3	1,1	0,0	41,5	4.725,2	25,8
HDG	HOSE	333	30.900	26.500	17%	Tích lũy	-19,5	-35,1	-6,2	7,5	11,5	10,8	1,4	0,0	4,1	1.956,6	30,5
SCS	HOSE	273	74.300	70.600	14%	Tích lũy	-17,2	-22,9	6,7	6,7	14,4	14,4	5,3	8,5	5,0	162,9	21,6
HAX	HOSE	54	15.500	14.200	13%	Tích lũy	-41,2	-85,6	30,0	206,5	36,3	12,0	1,2	3,5	4,3	170,9	34,2
GMD	HOSE	859	76.600	68.800	11%	Tích lũy	-1,3	123,5	8,6	-42,2	9,4	17,8	2,5	0,0	33,9	3.130,6	0,7
PVS	HNX	716	40.100	36.700	11%	Tích lũy	18,2	-2,0	56,8	65,9	20,3	13,6	1,4	1,9	56,5	6.948,9	29,2
MWG	HOSE	2.829	51.500	47.400	10%	Tích lũy	-11,3	-95,9	11,9	662,2	413,7	54,3	3,0	1,1	-4,1	17.433,2	3,5
VCB	HOSE	20.600	98.600	90.000	10%	Tích lũy	-0,5	10,5	23,8	16,9	15,3	13,1	3,0	0,0	17,7	5.230,4	6,4
PVT	HOSE	344	28.800	26.300	10%	Tích lũy	4,9	14,3	6,7	12,1	8,6	8,2	1,1	0,0	38,7	4.287,8	36,7
TNG	HNX	94	21.700	20.600	9%	Tích lũy	4,8	-23,0	3,6	56,5	10,2	6,8	1,3	3,9	49,1	1.353,9	29,4
DPM	HOSE	527	32.200	33.300	9%	Tích lũy	-27,2	-90,4	-0,8	102,8	24,2	12,2	1,1	12,0	-7,7	2.606,4	40,2
IDC	UPCOM	742	56.000	55.400	8%	Tích lũy	-3,3	-21,2	17,4	87,0	13,1	7,0	3,7	7,2	56,0	5.346,2	29,9
MSH	HOSE	120	40.700	39.500	8%	Tích lũy	-17,7	-34,8	25,1	73,8	12,0	6,7	1,8	5,1	22,9	184,7	44,9
VPB	HOSE	6.088	20.700	19.200	8%	Tích lũy	-13,9	-44,7	25,9	46,8	13,0	10,3	1,1	0,0	7,2	13.206,8	1,7

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @5/2/2024 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2023		2024F		PE 2023 (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDBQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
SIP	HOSE	577	84.000	79.800	8%	Tích lũy	10,6	-2,1	3,9	10,7	14,8	13,7	3,9	2,5	89,7	496,9	48,7
FPT	HOSE	5.287	109.300	103.500	8%	Tích lũy	19,6	21,9	22,6	21,3	20,0	16,8	5,2	1,9	46,6	10.944,0	0,0
TCB	HOSE	4.910	38.000	35.500	7%	Tích lũy	-2,1	-10,7	23,5	17,8	6,7	5,9	0,9	0,0	22,0	12.571,9	0,0
BFC	HOSE	59	25.800	25.600	7%	Tích lũy	0,1	5,1	-13,9	-6,3	9,8	11,7	1,4	5,9	67,3	356,2	42,9
OCB	HOSE	1.216	15.900	14.950	6%	Tích lũy	11,6	19,1	14,4	14,3	7,1	6,6	1,0	0,0	15,7	2.463,8	0,0
HAH	HOSE	165	42.000	39.700	6%	Tích lũy	-18,5	-53,2	-5,9	-43,4	10,5	20,7	1,5	0,0	54,0	3.997,7	45,4
ACB	HOSE	4.161	29.000	27.800	4%	Trung lập	13,7	17,2	12,5	13,5	6,4	6,0	1,4	0,0	25,7	9.109,3	0,0
HPG	HOSE	6.622	29.100	28.000	4%	Trung lập	-15,9	-19,4	23,2	68,5	23,7	15,0	1,6	0,0	31,0	28.691,6	24,0
NT2	HOSE	299	23.900	25.300	0%	Trung lập	-27,4	-43,9	19,0	-15,9	14,8	17,7	1,7	5,9	3,2	751,1	35,9
PHR	HOSE	296	49.000	53.200	0%	Trung lập	-20,9	-29,7	23,8	-47,5	11,7	22,1	2,0	7,5	28,2	579,1	32,8
HSG	HOSE	576	23.000	23.100	0%	Trung lập	-19,4	-176,2	16,0	3.580,6	17,5	18,1	1,3	0,0	62,7	11.318,3	25,1
VSC	HOSE	240	22.000	22.100	0%	Trung lập	8,6	-59,9	-3,7	-54,8	24,4	58,5	2,0	0,0	18,7	3.085,2	46,1
VHC	HOSE	598	62.800	65.400	-1%	Trung lập	-24,1	-54,6	15,3	58,4	16,1	10,3	1,8	3,1	17,0	2.162,6	68,3
NLG	HOSE	620	38.400	39.500	-2%	Trung lập	-26,7	-13,0	122,1	55,1	31,4	20,4	1,6	1,3	43,0	3.991,2	5,7
MBB	HOSE	4.629	22.600	22.950	-2%	Trung lập	3,8	18,3	23,4	9,6	5,5	4,9	1,2	0,0	35,3	12.697,1	0,0
ACV	UPCOM	6.844	77.600	79.670	-3%	Trung lập	45,1	20,9	5,0	-12,3	19,6	10,6	3,3	0,0	-9,3	753,0	1,0
PNJ	HOSE	1.255	86.200	91.000	-3%	Trung lập	-2,2	8,9	2,1	0,5	15,3	16,0	3,1	2,2	9,5	4.972,3	0,0
TCM	HOSE	152	37.700	40.000	-5%	Trung lập	-23,3	-52,8	34,6	116,1	28,2	12,8	1,9	1,3	-3,0	1.322,2	1,2
STK	HOSE	105	26.200	27.500	-5%	Trung lập	-32,6	-64,0	70,7	79,8	29,4	16,5	1,6	0,0	3,1	48,1	82,8
DPR	HOSE	120	29.100	33.950	-5%	Giảm	-15,9	-16,9	-78,7	-19,5	14,2	17,8	1,3	8,8	26,0	360,6	46,8
FRT	HOSE	662	112.800	119.500	-6%	Giảm	5,6	-188,5	43,1	N/A	-46,9	58,9	10,1	0,0	95,3	2.116,5	14,2
CTG	HOSE	6.948	31.600	33.900	-7%	Giảm	10,2	19,2	15,7	17,2	8,5	8,8	1,3	0,0	21,3	6.962,3	2,7
PC1	HOSE	374	27.200	29.300	-7%	Giảm	-6,6	-70,3	12,3	278,6	67,2	18,8	1,8	0,0	44,1	5.135,3	40,9
NKG	HOSE	261	22.500	24.300	-7%	Giảm	-19,4	-194,2	9,0	122,5	54,4	25,2	1,2	0,0	72,0	10.310,1	34,5
BID	HOSE	10.912	43.600	48.650	-10%	Giảm	4,9	18,7	13,7	19,3	12,4	12,0	2,3	0,0	22,5	2.380,7	12,7
HDB	HOSE	2.639	20.000	22.650	-12%	Giảm	20,2	30,0	31,0	46,5	6,4	4,5	1,5	0,0	47,6	8.606,4	1,6
DRC	HOSE	153	25.300	30.800	-13%	Giảm	-8,2	-19,4	16,3	21,9	15,1	12,9	2,0	4,9	55,7	737,9	36,4

Nguồn: CTCK Rồng Việt, Giá tại ngày 2/2/2024

CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1

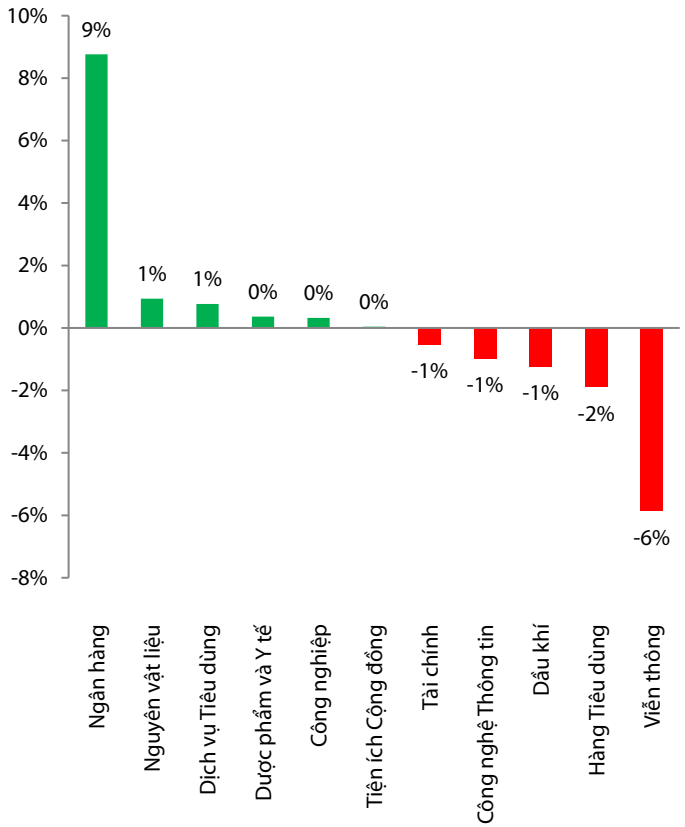

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2

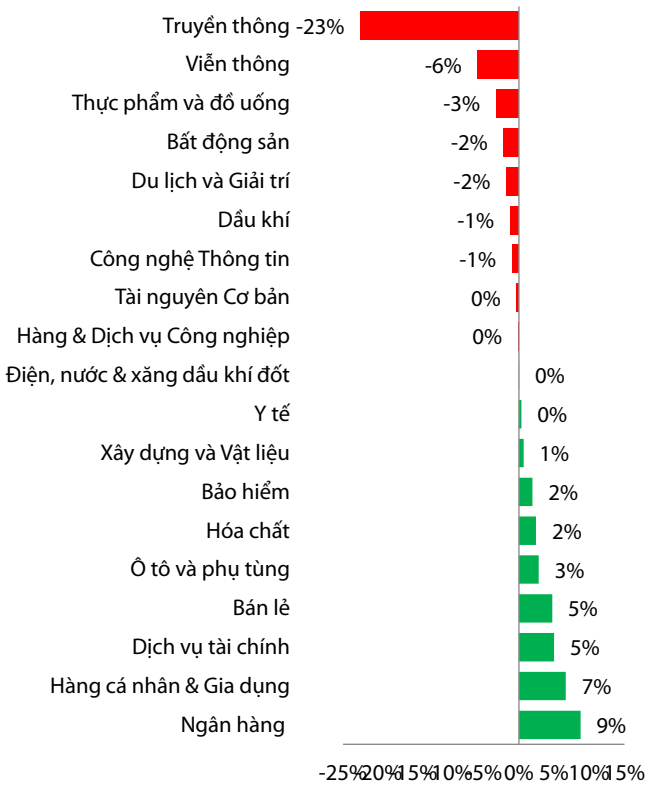

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành

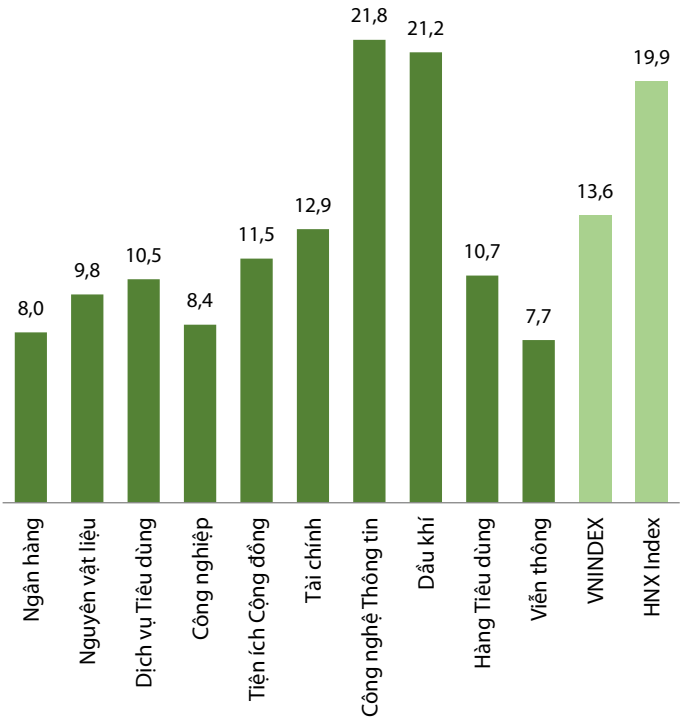

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

So sánh chỉ số P/B ngành

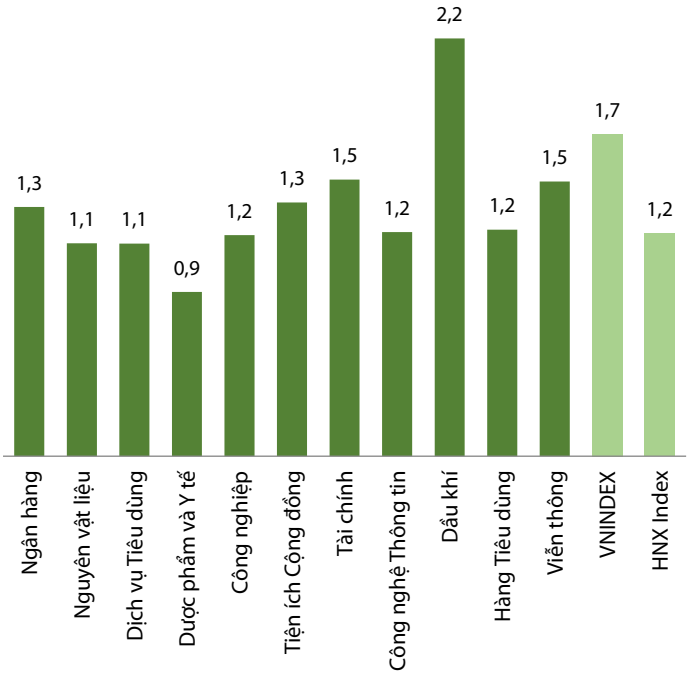

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam
Head of Research
lam.ntp@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1313)

Trần Hà Xuân Vũ
Senior Manager
vu.thx@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1512)
- Dầu khí
- Phân bón

Đỗ Thanh Tùng
Manager
tung.dt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1521)
- Hàng không
- Công nghệ
- Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An
Senior Analyst
an.ntn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1526)
- Thực phẩm & Đồ uống
- Bán lẻ

Đỗ Thạch Lam
Senior Analyst
lam.dt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1524)
- BĐS dân dụng
- Vật liệu xây dựng

Trần Thị Hà My
Senior Consultant
my.tth@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
- Kinh tế vĩ mô

Trịnh Thị Thu Hoài
Analyst
hoai.ttt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)
- Dệt may
- Tiện ích công cộng

Cao Ngọc Quân
Analyst
quan.cn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (2223)
- Cảng biển
- Dược

Lê Ngọc Hiển
Analyst
hien.ln@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
- Thủy sản

Lê Tự Quốc Hưng
Analyst
hung.ltq@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)
- Thị trường
- BĐS Khu công nghiệp

Phạm Hữu Luân
Analyst
luan.ph@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
- Kinh tế vĩ mô

Lê Kim Ngân
Analyst
ngan.lk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1524)
- Phân bón
- Dầu khí

Nguyễn Đặng Chính
Analyst
chinh.nd@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)
- Ngân hàng

Nguyễn Bảo Hưng
Analyst
hung.nb@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
- Bán lẻ
- Ô tô & Phụ tùng

Trần Thị Ngọc Hà
Assistant
ha.ttn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1526)

Phan Thị Phương Thảo
Assistant
thao.ptp@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản cáo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2024.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

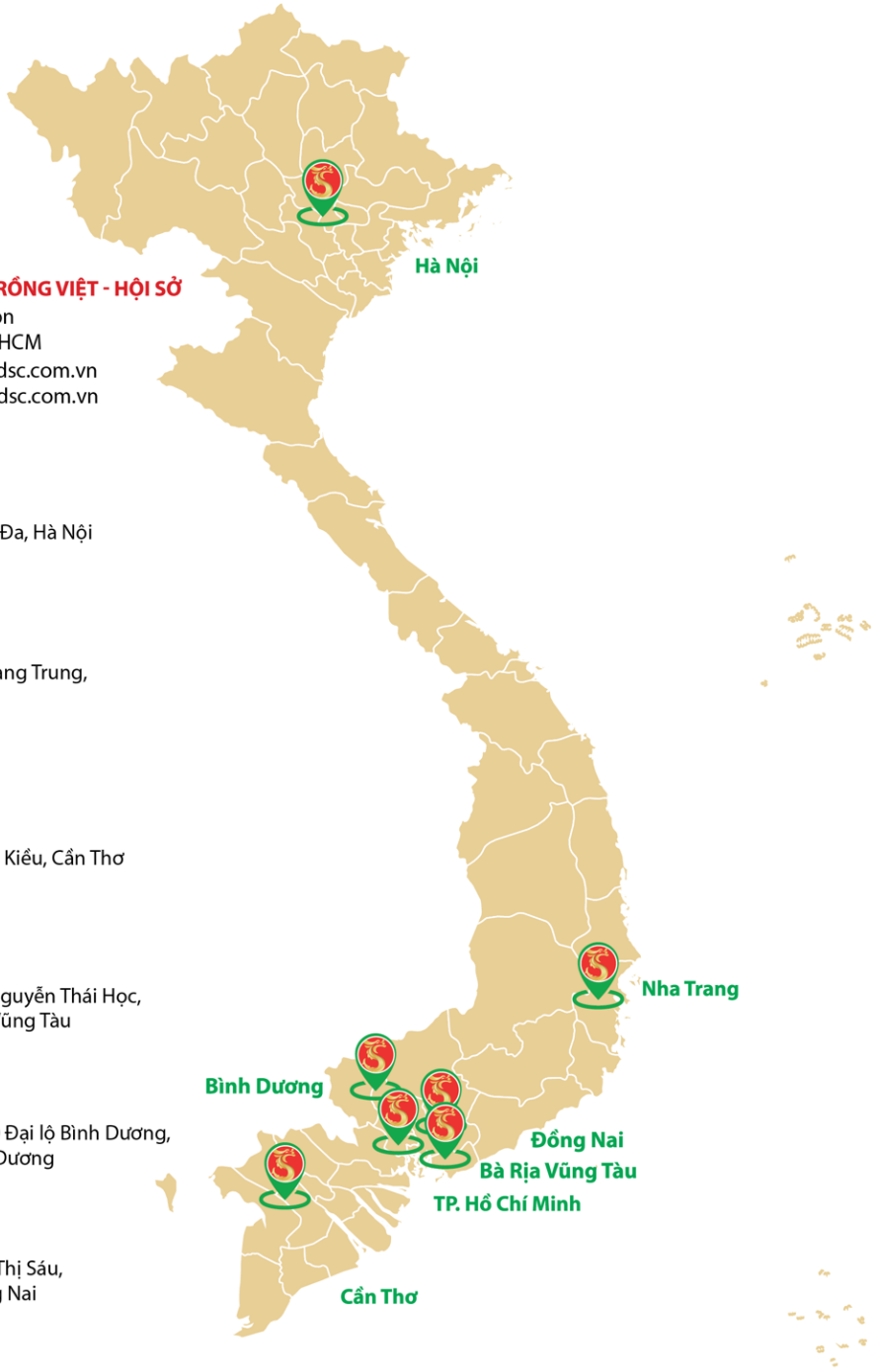

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ
Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM
T (+84) 28 6299 2006
F (+84) 28 6291 7986
E info@vdsc.com.vn
W www.vdsc.com.vn
MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội
T (+84) 24 6288 2006
F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG
Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, số 76 Quang Trung,
P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
T (+84) 25 8382 0006
F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ
Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ
T (+84) 29 2381 7578
F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU
Tầng 2, Toà nhà VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG
Tầng 3, Toà nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
Tầng 8, Toà nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
T (+84) 25 1777 2006